

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 28
H: 4

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Nguyễn Thị Thanh Huyền

106
C: Linh
Nguyễn Thị Thanh Huyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240055	Nguyễn Thị Như Ái	20/10/2005	CCQ2324B	732	Ái	7,4	3,7	5,2	
2	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh Anh	25/09/2005	CCQ2324B	731	Anh	6,3	9,6	8,3	
3	2123240007	Phạm Thị Ngọc Ánh	27/09/2003	CCQ2324A	730	Anh	8,5	5,9	6,9	
4	2123240026	Hứa Thị Bích	07/03/1999	CCQ2324A	731	Bích	9,4	5,2	6,9	
5	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh Châu	02/10/2005	CCQ2324B	731	Chau	5,3	4,4	4,8	
6	2123240021	Phan Hoàng Châu	11/05/2004	CCQ2324A	732	Chau	6,1	5,7	5,9	
7	2123240009	Bá Thị Mỹ Dáng	16/08/2000	CCQ2324A	729	Meang	9,5	7,9	8,5	
8	2121200094	Lê Nguyễn Anh Đào	23/11/2002	CCQ2124F	730	Mhano	4,9	6,5	5,9	
9	2121200093	Lê Nguyễn Hồng Đào	16/06/2001	CCQ2124F	732	Dao	3,0	8,5	6,3	
10	2123240191	Nguyễn Thành Đạt	31/12/2004	CCQ2324A			0,0			
11	2123240025	Nguyễn Huỳnh Đức	25/09/2005	CCQ2324A	729	Đức	8,9	5,5	6,9	
12	2123240194	Trần Thùy Dung	04/10/2005	CCQ2324B	729	Dung	8,2	7,4	7,7	
13	2123240033	Ngô Huỳnh Phương Duy	17/09/2005	CCQ2324B	730	Duy	5,8	4,5	5,0	
14	2122240175	Lã Thị Thu Hà	19/01/2004	CCQ2224F	730	Hà	8,8	5,3	6,7	
15	2123240002	Trần Thị Trúc Hà	18/07/1995	CCQ2324A	731	Hà	7,6	5,4	6,3	
16	2123240048	Mai Trịnh Mỹ Hằng	30/04/2005	CCQ2324B	729	Hang	6,1	6,3	6,2	
17	2121240004	Bùi Quốc Hữu	31/01/2003	CCQ2124A	730	Huu	5,3	4,3	4,7	
18	2123240027	Đoàn Khắc Huy	26/10/2005	CCQ2324A	731	Huy	7,0	4,3	5,4	
19	2123240020	Phan Minh Huy	10/01/2004	CCQ2324A	731	Huy	7,1	5,4	6,1	
20	2122240125	Trần Nguyễn Nhật Huy	23/02/2004	CCQ2224LA	732	Huy	6,0	6,5	6,3	
21	2123240161	Giáp Thị Thanh Huyền	06/12/2005	CCQ2324B	732	Huyen	9,1	7,7	8,3	
22	2123240008	Đặng Ngọc Khải	04/12/2004	CCQ2324A	730	Khai	5,4	5,6	5,5	
23	2122240021	Đường Thúc Ly	11/12/2004	CCQ2224A	732	Ly	8,7	4,3	6,1	
24	2123240011	Trần Khánh Minh	18/05/2002	CCQ2324A	729	Minh	7,8	5,5	6,4	
25	2123240001	Bùi Trà My	12/10/2003	CCQ2324A	730	My	8,3	8,2	8,2	
26	2122240200	Huỳnh Thị Trúc My	25/10/2004	CCQ2224E	730	My	6,0	5,9	5,9	
27	2122240070	Nguyễn Vũ Hà My	13/05/2004	CCQ2224C	731	My	7,5	2,7	4,6	
28	2123240003	Châu Kim Ngân	26/03/2003	CCQ2324A	731	Ngan	9,2	3,9	6,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

106

C. Linh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 32

Số bài thi:32

Số tờ giấy thi:32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240056	Phạm Thị Kim	Ngân	29/03/2005	CCQ2324B	729	6,4	3,7	4,18	
30	2123240014	Trần Thị Kim	Ngân	28/08/2005	CCQ2324A	729	8,0	5,8	6,7	
31	2123240040	Nguyễn Kim	Ngọc	07/11/2005	CCQ2324B	731	8,5	6,3	7,2	
32	2123240030	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	02/11/2005	CCQ2324A	732	6,4	4,5	5,3	
33	2123240013	Hà Thị Ánh	Nguyệt	24/02/2003	CCQ2324A	729	9,2	6,7	7,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

107

C. Lê Thảo

A: 27
H: 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435702)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 29...

Số bài thi: ...23...

Số tờ giấy thi: 23.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240067	Lương Thị Thúy	Ái	30/09/2005	CCQ2324C	731	9,1	6,6	7,6	
2	2122240134	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	06/12/1997	CCQ2224E	732	9,7	6,6	7,8	
3	2122240193	Dương Thị Bảo	Chân	26/12/2004	CCQ2224F	729	9,0	6,8	7,7	
4	2121240049	Phan Thành	Công	23/09/2003	CCQ2124B		7,4			
5	2123240083	Nguyễn Văn	Cường	12/10/2005	CCQ2324C		5,8			
6	2123240120	Nguyễn Quốc	Đạt	03/07/2003	CCQ2324D	732	9,9	7,6	8,5	
7	2123240077	Võ Minh	Diệt	01/02/2002	CCQ2324C	729	7,0	5,8	6,3	
8	2123240086	Đỗ Thị Thùy	Dương	17/03/2005	CCQ2324C	729	8,2	5,2	6,4	
9	2123240062	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/09/2005	CCQ2324C	730	7,8	8,0	7,9	
10	2123240113	Hoàng Thị Hồng	Hà	25/04/2005	CCQ2324D		0,0			
11	2122240096	Phạm Thị Thu	Hà	31/07/2004	CCQ2224D	730	5,6	4,2	4,8	
12	2123240106	Quảng Nữ Hồng	Hà	03/03/2003	CCQ2324D	729	7,9	3,0	5,0	
13	2123240098	Lê Thị Mỹ	Hào	05/01/2005	CCQ2324D	730	8,6	4,4	6,1	
14	2123240112	Nguyễn Thị Thuý	Hương	08/05/2005	CCQ2324D	731	9,7	7,0	8,1	
15	2123240070	Trần Đức	Khánh	14/05/2001	CCQ2324C	732	6,2	8,0	7,3	
16	2123240200	Huỳnh Đăng	Khoa	21/01/1998	CCQ2324C	729	8,4	8,2	8,3	
17	2123240143	Nguyễn Đăng	Khôi	24/11/2005	CCQ2324D	730	5,3	4,0	4,5	
18	2122240133	Lâm Trung	Kiên	17/10/2004	CCQ2224E		6,0			
19	2123240065	Hoàng Nguyễn Ái	Liên	27/05/2005	CCQ2324C	732	9,7	6,6	7,8	
20	2123240104	Nguyễn Thị Kim	Liều	08/05/2005	CCQ2324D	729	7,2	5,4	6,1	
21	2123240076	Đinh Lê Khánh	Linh	30/04/2005	CCQ2324C	730	8,5	5,4	6,6	
22	2123240091	Phan Thị Ngọc	Linh	12/04/2005	CCQ2324C	731	8,8	6,4	7,4	
23	2121240013	Đào Thị Tuyết	Mai	01/02/2003	CCQ2124A	732	7,9	3,4	5,2	
24	2123240080	Phạm Đào Uyên	Minh	24/08/2005	CCQ2324C	729	7,5	4,6	5,8	
25	2123240096	Trình Nguyễn Thuý	My	07/10/2003	CCQ2324D	730	9,6	8,0	8,6	
26	2121240037	Lý Thị	Ngân	12/03/2003	CCQ2124B	731	9,2	6,0	7,3	
27	2123240075	Nguyễn Thanh	Ngân	15/03/2005	CCQ2324C	729	8,1	5,4	6,5	
28	2123240107	Trần Thị Kim	Ngân	10/02/2004	CCQ2324D	730	8,0	6,8	7,3	

107

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435702)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 29..

Số bài thi: ...29...

Số tờ giấy thi: 29..

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngân	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240097	Trần Tuyết	Ngân	10/01/2003	CCQ2324D	730	Ngân	9,3	6,6	7,7	
30	2123240099	Trương Thu	Ngân	24/06/2005	CCQ2324D	731	Ngân	4,8	5,8	5,4	
31	2123240082	Tôn Nữ Gia	Nguyễn	01/04/2005	CCQ2324C	732	Tranquyên	8,9	6,2	7,3	
32	2123240068	Đặng Thị Yến	Nhi	02/12/2005	CCQ2324C	732	Nhi	9,9	7,4	8,4	
33	2123240124	Lâm Yến	Nhi	09/09/2001	CCQ2324D	731	Lâm	9,2	7,6	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435702)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 30

Số bài thi:30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240062	Ông Thị Thiên	Nhi	04/10/2004	CCQ2224B	730		7,4	4,8	5,8
2	2123240084	Nguyễn Tâm	Như	01/07/2005	CCQ2324C	729	Như	6,6	5,8	6,1
3	2123240069	Nguyễn Thị Bích	Như	28/10/2005	CCQ2324C	732	Như	9,8	4,2	6,4
4	2123240085	Phan Thị Huỳnh	Như	19/04/2005	CCQ2324C	729		6,1	3,6	4,6
5	2121240048	Trần Thị Cẩm	Nhung	07/08/2003	CCQ2124B	730		9,0	5,8	7,1
6	2123240089	Nguyễn Ngọc Trinh	Nữ	28/01/2005	CCQ2324C	731	Trinh	7,8	4,0	5,5
7	2123240081	Vũ Thị Anh	Phuong	29/08/2005	CCQ2324C	732	Phuong	7,7	4,6	5,8
8	2123240095	Huỳnh Thanh	Quang	01/11/2004	CCQ2324D	732	Quang	7,1	5,2	6,0
9	2123240115	Lưu Thị	Quỳnh	20/09/2002	CCQ2324D	731		8,3	6,4	7,2
10	2123240122	Trần Văn	Sáng	28/11/2005	CCQ2324D	732	Sang	9,4	7,4	8,2
11	2123240093	Lý Thị	Sua	18/06/2004	CCQ2324D	729		8,9	6,2	7,3
12	2123240105	Lê Đình Thái	Tài	13/07/2003	CCQ2324D	730		4,4	5,8	5,2
13	2123240094	Trần Nguyễn Nhật	Tân	24/09/2004	CCQ2324D	731		6,3	5,2	5,6
14	2123240121	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	26/11/2004	CCQ2324D	731		9,7	6,0	7,5
15	2121240007	Võ Lê	Thư	04/01/2003	CCQ2124A			5,9		
16	2123240109	Nguyễn Thu	Thùy	04/04/2005	CCQ2324D	729		7,9	6,0	6,8
17	2123240118	Lê Minh	Tiếng	16/09/2004	CCQ2324D	732		5,4	5,2	5,3
18	2123240074	Nguyễn Quỳnh Lan	Trâm	25/02/2005	CCQ2324C	732		7,2	6,2	6,6
19	2123240102	Đặng Huỳnh Bảo	Trần	29/04/2005	CCQ2324D	732	Trần	6,8	5,8	6,2
20	2123240090	Đặng Thị Thu	Trần	18/06/2005	CCQ2324C	729		8,2	4,2	5,8
21	2122240035	Hồ Thị Huyền	Trang	24/10/2004	CCQ2224B	730	Trang	8,6	4,4	6,1
22	2123240066	Phạm Thị Thùy	Trang	17/08/2005	CCQ2324C			6,7		
23	2123240092	Phan Thị Hoài	Trình	29/01/2005	CCQ2324D	730		8,7	5,0	6,5
24	2123240088	Trần Nguyễn Kiều	Trình	25/06/2005	CCQ2324C	731	Trình	6,8	3,0	4,5
25	2123240197	Trần Văn	Trung	22/09/2005	CCQ2324D	730		8,5	6,0	7,0
26	2123240064	Nguyễn Huỳnh Đình	Uy	09/11/2005	CCQ2324C	729		6,1	5,6	5,8
27	2123240061	Võ Thị Lâm Thuý	Vân	03/07/2005	CCQ2324C	731		7,9	4,8	6,0
28	2123240073	Nguyễn Thị Cẩm	Vi	06/07/2005	CCQ2324C	730		7,5	4,8	5,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435702)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: ...30...

Số tờ giấy thi: 30

T.T.Hồng

Nguyễn Thị
Thị

Nguyễn Thị
Phạm

Vinh

C. Lê Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240078	Lê Trần Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2324C		1,1			
30	2123240063	Đổng Quang	Vinh	24/01/2005	CCQ2324C	732	7,4	7,4	7,4	
31	2123240103	Nguyễn Phong	Vinh	23/03/2004	CCQ2324D	731	6,1	5,0	5,4	
32	2123240100	Trần Hiền	Vy	19/05/2005	CCQ2324D	730	4,0	6,2	5,3	
33	2123240116	Dương Thị Như	Ý	04/10/2005	CCQ2324C	729	7,5	5,0	6,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

109

C.Linh

A: 22
H: 7

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 29.

Số bài thi: ... 29.

Số tờ giấy thi: 29

Phạm Thị Huyền
Nguyễn Thị Huyền

Đỗ Thị Thanh Xuân
Nguyễn Thị Phương Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240045	Danh Hữu Nhân	24/05/2005	CCQ2324B	729	<i>[Signature]</i>	7,3	7,0	7,1	
2	2123240005	Huỳnh Lương Khánh Nhi	07/06/2003	CCQ2324A	730	<i>Nhi</i>	8,5	7,1	7,7	
3	2123240031	Lý Thị Bích Nhi	27/07/2005	CCQ2324B	731	<i>[Signature]</i>	5,1	5,2	5,2	
4	2123240004	Nguyễn Thị Yến Nhi	24/11/2003	CCQ2324A	732	<i>[Signature]</i>	8,1	3,4	5,3	
5	2122240022	Phạm Thị Yến Nhi	08/08/2004	CCQ2224A			3,6			
6	2122240190	Lê Hoàng Như	20/12/2004	CCQ2224F	730	<i>[Signature]</i>	6,2	9,2	8,0	
7	2123240032	Lê Thị Tố Như	10/07/2005	CCQ2324B	731	<i>[Signature]</i>	7,9	4,3	5,7	
8	2122240024	Nguyễn Tú Như	20/01/2004	CCQ2224A	730	<i>[Signature]</i>	5,9	3,9	4,7	
9	2122240179	Trần Lê Quỳnh	10/12/2004	CCQ2224F	729	<i>[Signature]</i>	4,5	5,5	5,1	
10	2123240037	Hà Thị Thuỳ Tân	25/07/2005	CCQ2324B	732	<i>[Signature]</i>	5,9	6,0	6,0	
11	2123240006	Nguyễn Thị Hồng Thắm	14/09/2003	CCQ2324A	729	<i>Thắm</i>	9,1	8,8	8,9	
12	2123240046	Nguyễn Hữu Thành	25/01/2005	CCQ2324B	730	<i>Thành</i>	5,7	4,0	4,7	
13	2122240009	Đỗ Thị Thảo	09/03/2000	CCQ2224A	731	<i>Thảo</i>	7,0	5,0	5,8	
14	2123240024	Lê Vũ Phương Thảo	20/10/2005	CCQ2324A	732	<i>Thảo</i>	7,9	5,2	6,3	
15	2122240053	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	28/10/2004	CCQ2224B	729	<i>Thảo</i>	7,3	6,7	6,9	
16	2123240012	Nguyễn Thị Ngọc Thi	22/02/2004	CCQ2324A	730	<i>[Signature]</i>	8,6	6,5	7,3	
17	2123240050	Võ Ngọc Anh Thi	13/11/2005	CCQ2324B	731	<i>[Signature]</i>	6,2	5,3	5,7	
18	2122240204	Huỳnh Thị Kiều Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C			4,1			
19	2123240017	Hà Minh Thư	02/02/2005	CCQ2324A	729	<i>Thư</i>	7,8	5,1	6,2	
20	2123240018	Huỳnh Thị Anh Thư	29/10/2005	CCQ2324A	730	<i>Thư</i>	5,1	5,1	5,1	
21	2123240047	Lê Thị Hoài Thương	28/07/2005	CCQ2324B	731	<i>Thương</i>	7,2	3,8	5,2	
22	2123240019	Vũ Thị Thương	01/12/2005	CCQ2324A	729	<i>Thương</i>	7,7	2,7	4,7	
23	2123240053	Huỳnh Thị Thu Thủy	30/08/2005	CCQ2324B	732	<i>[Signature]</i>	4,4	4,7	4,6	
24	2123240051	Nguyễn Thị Chung Thủy	10/10/2005	CCQ2324B	731	<i>[Signature]</i>	7,7	2,4	4,5	
25	2122240013	Đàng Thị Mỹ Kim Tiến	23/04/2001	CCQ2224A	730	<i>[Signature]</i>	6,2	4,6	5,2	
26	2123240054	Phạm Thị Thùy Trang	20/09/2005	CCQ2324B	729	<i>[Signature]</i>	7,3	4,1	5,4	
27	2123240034	Nguyễn Bảo Trung	10/01/2004	CCQ2324B			0,0			
28	2123240058	Nguyễn Vũ Trường	30/04/1999	CCQ2324B	732	<i>[Signature]</i>	4,2	6,2	5,4	

109

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 18/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 29..

Số bài thi: ...29..

Số tờ giấy thi: 29.

[Signature]
[Signature]

[Signature]
[Signature]

[Signature]
[Signature]

[Signature]
[Signature]

C.Link

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240036	Hồ Lê Mỹ Uyên	09/05/2005	CCQ2324B	732	<i>[Signature]</i>	7,5	4,5	5,7	
30	2123240049	Đoàn Thị Bích Vân	19/03/2005	CCQ2324B	729	<i>[Signature]</i>	6,0	3,9	4,7	
31	2123240028	Trương Thị Hà Vy	14/10/2005	CCQ2324A	730	<i>[Signature]</i>	5,1	4,3	4,6	
32	2122240196	Hoàng Thị Yên	17/10/2004	CCQ2224F	732	<i>[Signature]</i>	6,3	4,8	5,4	